

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 10 - 4 - 2024

*V/v Tranh chấp hợp*

*đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Trung Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.*

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973.*

*Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.*

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996 (có mặt).*

*Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.*

*\* Bị đơn:*

*- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (có mặt).*

*- Bà Hoa Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: khóm Ng , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 03/8/2023 của nguyên đơn và tại Phiên tòa sơ thẩm người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Trần Diễm M trình bày:*

Ông Trần Đại H là chủ hộ Kinh doanh Tân Quang M với vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Hoa Thị T có ký Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản vào ngày 08/01/2020.

Theo Hợp đồng, hai bên thỏa thuận ông H sẽ cung cấp thức ăn, thuốc thủy sản cho ông D – bà T . Đơn giá được thông báo trực tiếp theo đơn hàng và được xác nhận theo từng thời điểm, được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng Tân Quang M , ông D – bà T hoặc người nhà đến lấy hàng. Sau khi nhận hàng thì kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận sau vụ thu hoạch Tôm phải thanh toán dứt điểm tiền hàng, trường hợp nuôi thất vẫn phải thanh toán. Nếu vi phạm thanh toán, ông H có quyền cắt, đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông D – bà T thanh toán 1 lần hết số tiền hàng còn nợ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Trần Đại H đã thực hiện đúng nghĩa vụ, giao hàng đúng theo yêu cầu của ông D – bà T . Sau khi nhận hàng, ông D – bà T không phản nản gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa nhưng khi thu hoạch Tôm thì ông D – bà T không trả dứt điểm tiền nợ. Hai bên giao dịch đến ngày 08/02/2022, ông D – bà T còn nợ lại ông H số tiền là 160.425.000đ (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D – bà T phải thanh toán số nợ là 160.425.000đ (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

*Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:* Đúng là năm 2020 vợ chồng ông D – bà Hoa Thị T có mua thức ăn nuôi Tôm hiệu V và thuốc nuôi Tôm của ông Trần Đại H . Tuy nhiên, do nuôi Tôm thua lỗ nên vợ chồng ông không có khả năng thanh toán.

Nay, ông D thừa nhận là vợ chồng ông còn nợ lại ông H số tiền là 160.425.000đ (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ông D

xin Tòa án gia hạn cho vợ chồng ông, mỗi năm vợ chồng ông sẽ trả cho ông H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi trả dứt số nợ nêu trên.

*Đối với bị đơn bà Hoa Thị T* : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà Hoa Thị T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự, bà T cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 25/3/2024, bà T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa Hộ Kinh doanh Tân Quang M và bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn D – bà Hoa Thị T là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hoa Thị T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bà Hoa Thị T .

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 08/01/2020, hai bên tiến hành ký Hợp đồng mua bán, ngày 08/02/2022

hai bên đối chiếu xác nhận công nợ, cũng như quá trình giải quyết vụ án và như tại phiên tòa, hai bên đương sự đều thống nhất xác nhận là vợ chồng ông D – bà T nợ của ông H tiền mua thức ăn nuôi Tôm số tiền 160.425.000đ (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán và phương thức thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 160.425.000đ (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là có căn cứ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn D xin gia hạn mỗi năm sẽ trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi dứt số nợ nêu trên nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông D – bà T còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông D – bà T phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Đại H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Hoa Thị T, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Hoa Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H số tiền nợ là 160.425.000đ (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn D và bà Hoa Thị T phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D và bà Hoa Thị T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.021.250đ (tám triệu không trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Ông Trần Đại H không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.010.625đ (bốn triệu không trăm mười nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0000361 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn bà Hoa Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

*Nơi nhận:*

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hiếu**